

PHỤ LỤC 1A

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 162 /BC-UBND ngày 23 / 6 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022	Kế hoạch vốn năm 2023 tỉnh Khánh Hòa giao thực tế	Chưa phân bổ/Chuyển qua chi thường xuyên	Ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
					Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (so với Kế hoạch Chính phủ giao) (%)	Tỷ lệ giải ngân (so với Kế hoạch Tỉnh giao thực tế) (%)	
	TỔNG SỐ	7.014.021	5.119.510	1.894.511	2.025.404	28,9	39,6	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)	3.817.206	3.167.967	649.239	1.350.091	35,4	42,6	
	<i>Trong đó:</i>							
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	2.747.206	2.297.967	449.239	1.095.166	39,9	47,7	
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000	650.000	200.000	148.925	17,5	22,9	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	220.000	220.000	0	106.000	48,2	48,2	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.977.515	1.732.243	245.272	646.654	32,7	37,3	
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.724.853	1.479.581	245.272	618.958	35,9	41,8	
	<i>Trong đó:</i>							
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.489.100	1.307.900	181.200	544.958	36,6	41,7	
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	235.753	171.681	64.072	74.000	31,4	43,1	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	151.325	87.253	64.072	34.000	22,5	39,0	
	- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	84.428	84.428	0	40.000	47,4	47,4	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	252.662	252.662	0	27.696	11,0	11,0	
C	NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	219.300	219.300	0	28.659	13,1	13,1	
D	NGUỒN VỐN TRỊ PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	1.000.000		1.000.000				

PHỤ LỤC 1B

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 162 /BC-UBND ngày 29/6 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023								Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQDP				
						Vốn NS tỉnh									Vốn NSTW, ODA			
TỔNG SỐ																		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ						7.014.021	2.747.206	850.000	220.000	1.724.853	252.662	219.300	1.000.000	2.025.404	28,9		
A.1	Trả nợ vốn vay và hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh						141.845	141.845							121.000	85,3		
-	Trả nợ vốn vay						41.845	41.845							21.000	50,2		
-	Hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh						100.000	100.000							100.000	100,0		
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư						25.000	25.000							6.089	24,4		
A.3	Vốn thực hiện đầu tư						5.915.176	2.088.361	410.000	220.000	1.724.853	252.662	219.300	1.000.000	1.496.184	25,3		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						174.787	85.787	0	89.000	0	0	0		16.000	9,2		
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và xây mới nhà vệ sinh khu C Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa	Sở LD	Tp. Nha Trang	218/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	7.380	7.380	3.780				3.780				2.095	55,4		
2	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh	Sở LD	Khánh Vĩnh	1133/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	21.161	21.161	5.000	5.000							0	0,0		
3	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Sơn (giai đoạn 2)	Sở LD	Khánh Sơn	2231/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	19.905	19.905	14.900				14.900				7.000	47,0		
4	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Cam Lâm	Sở LD	Cam Lâm	589/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	4.320	4.320	196	196							0	0,0		
5	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Ninh Hòa	BQLDA Phát triển tỉnh	Thị Xã Ninh Hòa	2663/QĐ-UBND ngày 23/9/2022; 3123/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	7.228	7.228	4.000	4.000							0	0,0		
6	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh	Sở LD	Vạn Ninh	910/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	3.998	3.998	2.641				2.641				2.644	93,3		
7	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DABT XD các CT GT	NT	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 777/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	562.820	562.820	51.885				51.885				4.441	8,6		
8	BTHH để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang	BQL DABT XD các CT DD và CN	NT	2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021	74.935	74.935	22.955	7.161			15.794				0	0,0		

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023								Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Chi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQDP					
						Vốn NS tính									Vốn NSTW, ODA				
9	Xây dựng Nhà xưởng thực hành tại cơ sở mới của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	713/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	11.450	11.450	7.000	7.000									0	0,0	
10	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2-6	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	các trường	15735/QĐ-CTUBND ngày 09/12/2021, 1083/QĐ-CTUBND ngày 23/3/2022	17.968	12.500	12.500	12.500									0	0,0	
11	Xây dựng 06 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Phú	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Phú	455/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	9.054	2.700	2.700	2.700									0	0,0	
12	Xây dựng Trường THCS Ngô Thi Nhậm	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Thượng	2192/QĐ-CTUBND ngày 10/6/2022	5.352	1.650	1.650	1.650									0	0,0	
13	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh An	15963/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2021	6.022	1.800	1.800	1.800									0	0,0	
14	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Đông	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Đông	15777/QĐ-CTUBND ngày 15/12/2021	2.811	840	840	840									0	0,0	
15	Xây dựng Trường mầm non Ninh An	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh An	15780/QĐ-CTUBND ngày 15/12/2021	1.852	540	540	540									0	0,0	
16	Xây dựng Trường tiểu học Ninh An	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh An	15778/QĐ-CTUBND ngày 15/12/2021	5.076	1.500	1.500	1.500									0	0,0	
17	Xây dựng Trường THCS Trương Đình	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Phú	15962/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2021	5.504	1.650	1.650	1.650									0	0,0	
18	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Thượng	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Thượng	15727/QĐ-CTUBND ngày 09/12/2021	2.508	750	750	750									0	0,0	
19	Trường Tiểu học Diên Xuân	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Xuân	176/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	28.942	8.000	8.000	8.000									0	0,0	
20	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh; Hàng mục: Xây dựng mới khối 04 phòng học bộ môn, tường rào phần đất mở rộng; Cải tạo khối hành chính, khối lớp học công	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Xuân	493/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	7.165	2.000	2.000	2.000									0	0,0	
21	Xây dựng 06 phòng học bộ môn tin học (Trường Tiểu học Sông Cầu, Khánh Trung, Khánh Bình) và trang thiết bị tin học (Trường Tiểu học Giang Ly)	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Huyện Khánh Vĩnh	380/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	11.344	10.500	10.000	10.000									0	0,0	
22	Nam, Hàng mục: Xây dựng 6 phòng học, khối phòng học bộ môn, công, tường rào, sân, nhà để xe, nhà bảo	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam	749/QĐ-UBND 31/8/2022	12.139	12.000	7.000	7.000									0	0,0	
23	Trường Tiểu học Khánh Thành; Hàng mục: Xây dựng 3 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối phòng hành chính, nhà để xe, nhà	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	748/QĐ-UBND 31/8/2022	12.333	12.000	7.000	7.000									0	0,0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023								Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQDP					
24	Trường Tiểu học Sơn Thái, Hàng mục: Xây dựng khối phòng học bộ môn, nhà bảo vệ, kê đá	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	750/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.864	4.500	4.500	4.500									0	0,0	
II	Khoa học, công nghệ						50.000	50.000	0	0	0	0	0	0	0	0	21.135	42,3	
(1)	Sở KH&CN						50.000	50.000	0	0	0	0	0	0	0	0	21.135	42,3	
1	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 348/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	137.215	137.215	30.000	30.000									21.047	70,2	
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586	20.000	20.000									88	0,4	
III	Y tế, dân số và gia đình						431.385	65.385	62.000	131.000	173.000	0	0	0	0	0	152.385	35,3	
1	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	NT	3123/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3306/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2287/QĐ-UBND ngày 17/8/2022; 3355/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	560.862	224.862	336.000	101.000			101.000						60.000	59,4	
2	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	812/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1189/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	355.296	355.296	42.000	42.000		32.000	10.000						42.000	100,0	
3	Trung tâm Y tế Cam Ranh	Sở Y tế	CR	622/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1143/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	61.702	61.702	10.000	10.000			10.000						10.000	100,0	
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường)	Sở Y tế	NH	1646/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	87.726	87.726	40.000	40.000		30.000	10.000						10.000	25,0	
5	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	trên địa bàn tỉnh	128/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	409.694	209.694	200.000	68.000			68.000						20.000	29,4	
6	Đầu tư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế	Diên Khánh	1224/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	160.000	55.000	105.000	160.000	55.000			105.000					0	0,0	
7	Sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022	Sở Y tế	toàn tỉnh	2377/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 3271/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	14.885	14.885	10.385	10.385									10.385	100,0	
IV	Văn hóa thông tin						40.304	40.304	0	0	0	0	0	0	0	0	7.743	19,2	
1	Mua sắm, lắp đặt hệ thống chiếu sáng Sân vận động 19/8 Nha Trang	Sở VH&TT	Nha Trang	814/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	16.872	16.872	16.500	16.500									0	0,0	
2	Tu bổ di tích Phú đường Ninh Hòa	Sở VH&TT	Ninh Hòa	1812/QĐ-UBND ngày 24/6/2022; 2536/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	3.359	3.359	2.300	2.300									0	0,0	
3	Tu bổ di tích Đền Hùng Vương	Sở VH&TT	Nha Trang	610/QĐ-UBND ngày 17/3/2023	1.420	1.420	1.420	1.420									0	0,0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023								Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ				Vốn trái phiếu QĐP
4	Tu bổ di tích Đình Trà Long	Sở VHHT	Cam Ranh	544/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	1.290	1.290		1.290	1.290								0	0,0
5	Tu bổ di tích Đình Quang Đông	Sở VHHT	Ninh Hòa	623/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	1.900	1.900		1.900	1.900								0	0,0
6	Tu bổ di tích Trụ sở UBND cách mạng lâm thời Ba Ngòi	Sở VHHT	Cam Ranh	921/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	1.270	1.270		1.200	1.200								0	0,0
7	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp	2416/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; 2531/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	25.000	20.000		15.694	15.694								7.743	49,3
V	Phát thanh, truyền hình, thông tin							54.600	54.600	0	0	0	0	0			37.104	68,0
1	Dầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	Đài PTTH Khánh Hòa	NT	510/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	200.000	200.000		54.600	54.600								37.104	68,0
VI	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)							645.296	168.145	12.189	0	0	245.662	219.300			140.923	21,8
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	759.516	546.733	212.783	107.034	94.845	12.189							24.636	23,0
2	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	3348/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2984/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.607.510	254.611	1.352.899	522.962	65.000				242.162	215.800			109.379	20,9
3	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	Sở TNMT	toàn tỉnh	2941/QĐ-UBND ngày 03/10/2016; 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	52.460	10.049	42.411	7.800	800				3.500	3.500			913	11,7
4	Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt tại bãi rác Hòn Rọ	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ninh Hòa	xã Ninh An	1290/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2022; 3107/QĐ-CTUBND ngày 18/2/2022	14.967	10.500		7.500	7.500								5.995	79,9
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							537.908	209.561	56.150	0	265.197	7.000	0			145.081	27,0
1	Hồ chứa nước Đắc Lộc	Sở NN&PTNT	Nha Trang	2733/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 2423/QĐ-UBND ngày 16/8/2017; 186/QĐ-UBND ngày 21/01/2020; 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2021; 3285/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	207.363	155.363	52.000	18.500	8.000	10.500							8.000	43,2
2	Kê bờ phường Vĩnh Nguyên	Sở NN&PTNT	Nha Trang	3335/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2581/QĐ-CTUBND ngày 24/9/2020; 3221/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	201.082	101.082	100.000	65.000	65.000								45.000	69,2

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát				Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQĐP
3	Hồ chứa nước Sơn Trung	Sở NN&PTNT	Khánh Sơn	889/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	265.000	85.000	180.000	10.000								0	0,0	
4	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở NN&PTNT	Cam Lâm	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	66.009	9.260	56.749	7.500	500					7.000		0	0,0	
5	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000		2.294	2.294							651	28,4	
6	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880		1.000	1.000							0	0,0	
7	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		434	434							51	11,8	
8	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659		300	300							0	0,0	
9	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khanh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350		1.933	1.933							0	0,0	
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	CR, NT	1856/QĐ-UBND 27/7/2020	299.662	99.662	200.000	125.868	39.000				86.868			11.500	9,1	
11	Hồ chứa nước Am Chúa	BQL DABT XD các CT NN&PTNT						70.000								2.500	3,6	
12	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	DK	2637/QĐ-UBND 30/9/2020; 2286/QĐ-UBND ngày 09/8/2021; 74/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	90.605	10.605	80.000	49.179	1.000				48.179			10.000	20,3	
13	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Đá Bàn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Ninh Hòa	1960/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	7.685	7.685		7.250	7.250							346	4,8	
14	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Hoa Sơn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi KH	Vạn Ninh	1961/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	14.973	14.973		14.400	14.400							687	4,8	
15	Kè, đập ngăn mặn sông Đá Hãn	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Đa	2639/QĐ-UBND 30/9/2020; 3803/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	120.000	60.000	40.000	57.100	37.100	10.000			10.000			20.000	35,0	
16	Đề kè chống xói lở hai bờ sông, lạch Cầu Treo và khơi thông dòng chảy (đoạn từ cầu Bà Hà đến cầu Treo)	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Diêm và Ninh Thủy	4996/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	100.000	35.000	50.000	6.150					6.150			1.000	16,3	
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ Sơ Quan Ninh Lộc	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Lộc	681/QĐ-CTUBND ngày 24/02/2021	10.891	8.000		6.000	6.000							5.000	83,3	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát				Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQDP	
18	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	1170/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	500	500		100	100								0	0,0	
19	Kè chắn bồi Thanh Mỹ, giai đoạn 2, đoạn từ cầu Nhà trẻ đến cụm chia nước cuối bồi	UBND xã Ninh Quang	xã Ninh Quang	264/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	7.152	6.800		2.000	2.000								0	0,0	
20	Kè bờ tả sông Cái đoạn qua thôn Bình Thành xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình	Ninh Bình	652/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	4.966	4.900		3.900	3.900								3.000	76,9	
21	Kiên cố hóa nương chính thôn Tân Bình, đoạn nương từ từ nhà ông Phan đến Suối Gầm	UBND xã Ninh Bình	Ninh Bình	654/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	5.027	4.900		3.900	3.900								3.000	76,9	
22	Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang, đoạn từ Quốc lộ 1A đến đập Hải Triều xã Vạn Phước	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	xã Vạn Phước	545/QĐ-UBND ngày 17/6/2021; 871/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	58.000	50.000		20.000	20.000								8.236	41,2	
23	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	2293/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	110.000	60.000	30.000	16.000				16.000					16.000	100,0	
24	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D. An-D. Toàn	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	119.714	20.000	80.000	16.000				16.000					1.200	7,5	
25	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		100	100								0	0,0	
26	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	39.493	30.870		10.000	10.000								5.399	54,0	
27	Hỗ trợ đầu tư trồng cây phân tán huyện Cam Lâm, giai đoạn 2021-2025	BQLDA phát triển rừng sản xuất huyện Cam Lâm	Cam Lâm	752/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	910	910		200	200								0	0,0	
28	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 (huyện Khánh Sơn)	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn	Khánh Sơn	630/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1.999	1.999		300	300								0	0,0	
29	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		100	100								0	0,0	
30	Kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, TP Cam Ranh	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	phường Ba Ngòi, Cam Ranh	1507/QĐ-UBND 24/10/2017; 1625/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 718/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	80.000	24.500	45.000	6.300	6.300								2.296	36,4	
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục	UBND TP Cam Ranh	Cam Phước Đông, Cam Ranh	1829/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	90.000	27.000	63.000	16.000		4.000		12.000					1.215	7,6	
32	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh	Cam Ranh	720/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	767	767		100	100								0	0,0	
VIII	Giao thông							1.291.288	592.777	7.661	0	690.850	0	0			636.211	49,3	
1	Cầu qua sông Kim Bông	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	131.731	131.731		3.917	3.917								3.916	100,0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát				Vốn vay lại Chính phủ	Vốn trái phiếu CQDP	
2	Cầu huyện từ Vạn Giã đi Vạn Thắng (trên trục đường Nguyễn Huệ)	Sở GTVT	Vạn Ninh	3337/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	44.106	44.106		20.000	17.339	2.661							0	0,0	
3	Sửa chữa đường ĐT.652G (Tỉnh lộ 5)	Sở GTVT	Thị xã Ninh Hòa	136/QĐ-SGTVT ngày 17/3/2023	14.400	14.400		14.390	14.390								0	0,0	
4	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Huyện Khánh Sơn	150/QĐ-SGTVT ngày 24/3/2023	10.380	10.380		10.380	10.380								0	0,0	
5	Sửa chữa đường Bà Cầm Nam	Sở GTVT	huyện Khánh Sơn	134/QĐ-SGTVT ngày 17/3/2023	6.640	6.640		6.630	6.630								0	0,0	
6	Xây dựng cầu Ông Trung (cầu Chi Chay) trên đường Tô Hạp - Sơn Bình	Sở GTVT	Huyện Khánh Sơn	151/QĐ-SGTVT ngày 24/3/2023	7.467	7.467		7.460	7.460								0	0,0	
7	Đường D30 - Kết nối đường 23 thàng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	3286/QĐ-UBND 31/10/2018, 3216/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	129.534	129.534		59.000	59.000								16.800	28,5	
8	Trồng cây xanh dải phân cách đường Võ Nguyên Giáp	BQL DABT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang, Diên Khánh	2047/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	84.918	84.918		24.100	24.100								20.000	83,0	
9	Đường Tỉnh lộ 3	BQL DABT XD các CT GT	NT - CL	288/QĐ-UBND 28/01/2019; 1526/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 4248/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 3695/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	340.750	340.750		99.903	99.903								47.182	47,2	
10	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	BQL DABT XD các CT GT		611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	5.333.307	303.350	5.029.957	899.350	303.350				596.000				500.000	55,6	
11	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn (1000m)	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	156.959	26.000	120.000	30.000				30.000					4.910	16,4	
12	Nâng cấp, mở rộng Bến tổng hợp Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã	912/QĐ-UBND 08/9/2021	26.331	16.300		4.800	4.800								3.230	67,3	
13	Đường gom dọc Quốc lộ 27C khu đô thị Hành chính huyện Diên Khánh	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D.Thanh, D.Lạc	25/QĐ-UBND ngày 8/02/2021	29.999	25.000		10.000	10.000								10.000	100,0	
14	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Diên	49/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	85.706	50.000		10.000	10.000								10.000	100,0	
15	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Khánh	251/QĐ-UBND 20/12/2021	130.258	20.000	73.516	32.850				32.850					13.491	41,1	
16	Xây dựng cầu Sơn Trung huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Sơn	TT Tô Hạp và xã Sơn Trung	2593/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	40.000	30.000		15.000	15.000								3.110	20,7	
17	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CPH-CPNam-CPBắc	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	197.340	29.000	120.000	37.000		5.000		32.000					557	1,5	
18	Đường vào khu dân cư liên thôn Sông Cạn Trung - Sông Cạn Đông, xã Cam Thịnh Tây	UBND TP Cam Ranh	Cam Thịnh Tây	664/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	6.000	6.000		5.000	5.000								3.015	60,3	
19	Đường Lê Duẩn, thị trấn Cam Đức	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Cam Đức	1009/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	84.937	25.000	50.000	1.508	1.508								0	0,0	

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023								Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ			
IX	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế						189.861	12.861	50.000	0	127.000	0	0	71.000	37,4		
1	Đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	BQL KKT Vân Phong	Vân Ninh	115/QĐ-KKT ngày 02/8/2021	291.995		291.995	124.000						124.000		62.000	50,0
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Vân Phong	Ninh Hòa	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	53.000		50.000				3.000		2.000	3,8
3	Sửa chữa đường Đầm Môn ĐT.651, đoạn Km14+370 - Km17+900	BQL KKT Vân Phong	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	151/QĐ-KKT ngày 31/8/2022	14.853	14.853		11.336	11.336							7.000	61,8
4	Mở rộng dải cây xanh cách ly Cụm CN Đặc Lọc	Sở Công Thương	Nha Trang	3413/QĐ-UBND ngày 11/1/2018; 2611/QĐ-UBND 26/9/2020; 861/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	4.631	4.631		1.525	1.525							0	0,0
X	Xã hội							25.000	25.000	0	0	0	0	0	0	10.000	40,0
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		20.000	20.000							10.000	50,0
2	Cải tạo và sửa chữa Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc Người có công Khánh Hòa	Sở LĐ	Nha Trang	1135/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	6.397	6.397		5.000	5.000							0	0,0
XI	Quản lý nhà nước							11.501	11.501	0	0	0	0	0	0	4.401	38,3
1	Cải tạo trụ sở làm việc Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong	BQL KKT Vân Phong	Nha Trang	4766/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	8.015	8.015		4.401	4.401							4.401	100,0
2	Từ sở làm việc Hạt kiểm lâm Ninh Hòa	Chi cục Kiểm lâm Khánh Hòa	Ninh Hòa	4561/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.000	5.000		4.900	4.900							0	0,0
3	Cải tạo, sửa chữa Hội trường và Nhà làm việc Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh	Hội Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh	Nha Trang	192/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	1.028	1.028		1.000	1.000							0	0,0
4	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	Sở Tư pháp	Nha Trang	543/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	1.208	1.208		1.200	1.200							0	0,0
XII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội							123.171	71.318	0	0	51.853	0	0	16.318	13,2	
1	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	285/QĐ-H41-145 ngày 14/10/2016; 115/QĐ-H41-143 ngày 14/6/2017; 124/QĐ-H41-145 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	93.206	5.000	5.000							1.000	20,0
2	Hội trường Cơ quan Bộ CHQS tỉnh	BCHQS tỉnh	Nha Trang	1608/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; 3576/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	14.864	14.864		518	518							518	100,0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong các đời	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ				Vốn trái phiếu CQĐP		
3	Nhà ở dân quân Ban Chi huy quân sự huyện Khánh Vĩnh	BCHQS tỉnh	Khánh Vĩnh	749/QĐ-UBND ngày 11/3/2023	8.744	8.744		3.500	3.500								1.500	42,9		
4	Đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân	BCHQS tỉnh	Ninh Vân, Ninh Hòa	2947/QĐ-UBND ngày 29/10/2020, 1902/QĐ-UBND ngày 08/7/2021, 3156/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	126.647	76.647	50.000	55.387	20.000				35.387					2.000	3,6	
5	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021-2025	BCHQS tỉnh	Diên Khánh	2864/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	49.656		49.656	16.466					16.466					5.000	30,4	
6	Nhà giáo dục tâm lý và Nhà làm việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên/Campuchia	BCHQS tỉnh	tỉnh Hưng Yên/Campuchia	2783/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	14.921	14.921		12.400	12.400									0	0,0	
7	Công trình phòng thủ	BCHQS tỉnh	Ninh Hưng, Ninh Hòa	700/QĐ-BTL ngày 25/9/2018, 1523/QĐ-BTL ngày 29/9/2020	39.923	39.923		4.500	4.500									4.500	100,0	
8	Sửa chữa doanh trại Đồn Biên phòng Cam Ranh	BCH BDBP tỉnh	CR	1745/QĐ-UBND ngày 15/6/2022, 3421/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	3.600	3.600		1.600	1.600									1.300	81,3	
9	Xây dựng mới Nhà kho vũ khí, đạn thuốc và nâng cấp cải tạo doanh trại Đại đội huyện lỵ C19	BCH BDBP tỉnh	Cam Ranh	717/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	10.821	10.821		6.000	6.000									0	0,0	
10	Sửa chữa doanh trại Đồn biên phòng Ninh Hải (366)	BCH BDBP tỉnh	Ninh Hải	2784/QĐ-CTUBND ngày 07/10/2022	6.251	6.251		5.900	5.900									0	0,0	
11	Sửa chữa, cải tạo doanh trại Hải đội 2	BCH BDBP tỉnh	Nha Trang	2170/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	4.096	4.096		3.900	3.900									0	0,0	
12	Nhà kho lưu trữ UBND huyện Trường Sa	UBND huyện Trường Sa	Trường Sa	205/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	6.480	6.480		1.000	1.000									500	50,0	
13	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Trường Sa, Ủy ban nhân dân xã Song Tử Tây, Ủy ban nhân dân xã Sinh Tồn, huyện Trường Sa	UBND huyện Trường Sa	Trường Sa	2881/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	7.200	7.200		7.000	7.000									0	0,0	
XIII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư							48.000	26.000	22.000	0	0	0	0				23.820	49,6	
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2273/QĐ-UBND ngày 5/8/2016, 3467/QĐ-UBND ngày 13/11/2018, 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020, 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021, 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	161.748	161.748		18.000	16.000	2.000								12.000	66,7	
2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	30/10/2017, 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020, 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021, 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	90.343	90.343		30.000	10.000	20.000								11.820	39,4	
XIV	Lập quy hoạch tỉnh, các chính đầu tư công khác theo quy định							397.564	225.883	0	0	171.681	0	0				214.063	53,8	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giá giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ				Vốn trái phiếu CQDP	
						Vốn NS tỉnh												Vốn NSTW, ODA
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040	Sở Xây dựng	Nha Trang	1456/QĐ-TTg ngày 25/9/2020; 300/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	9.795	9.795		1.490	1.490								63	4,2
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025				1.093.899	335.374		75.989	75.989								36.000	47,4
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa				388.378	37.950	337.720	89.932	5.504			84.428					42.000	46,7
4	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025				443.032	42.097	400.935	103.153	15.900			87.253					41.000	39,7
5	Trả nợ quyết toán							9.000	9.000								4.000	44,4
6	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng							15.000	15.000								3.000	20,0
7	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo ND 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế ND 210/2013/NĐ-CP)							5.000	5.000								0	0,0
8	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh							5.000	5.000								0	0,0
9	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh							93.000	93.000								88.000	94,6
XV	Chưa phân bổ							1.694.511	449.239			245.272			1.000.000		0	0,0
XVI	Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển sang nhiệm vụ chi thường xuyên							200.000		200.000								
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)							932.000	492.000	440.000							402.131	43,1
1	Nguồn XDCB tập trung							492.000	492.000								288.378	58,6
1	Thành phố Nha Trang							102.336	102.336								65.779	64,3
2	Thành phố Cam Ranh							52.644	52.644								25.323	48,1
3	Huyện Cam Lâm							49.200	49.200								23.294	47,3
4	Huyện Diên Khánh							64.452	64.452								44.501	69,0
5	Thị xã Ninh Hoà							71.832	71.832								46.718	65,0
6	Huyện Vạn Ninh							55.104	55.104								33.132	60,1
7	Huyện Khánh Vĩnh							55.596	55.596								31.000	55,8
8	Huyện Khánh Sơn							40.836	40.836								18.631	45,6
II	Nguồn CQSD Đất							440.000		440.000							113.753	25,9
2	Thành phố Nha Trang							213.200		213.200							85.163	39,9
3	Thành phố Cam Ranh							44.000		44.000							11.508	26,2
4	Huyện Cam Lâm							40.000		40.000							0	0,0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Ước giải ngân đến 30/6/2023	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2023 (%)	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ				Vốn trái phiếu CQDP
5	Huyện Diên Khánh							27.200		27.200						1.500	5,5	
6	Thị xã Ninh Hoà							52.000		52.000						3.282	6,3	
7	Huyện Vạn Ninh							48.000		48.000						8.300	17,3	
8	Huyện Khánh Vĩnh							12.800		12.800						4.000	31,3	
9	Huyện Khánh Sơn							2.800		2.800						0	0,0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh giao			Điều chỉnh (tăng/giảm) kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh						Chi chú										
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn Trái phiếu CQDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ								Vốn Trái phiếu CQDP	Nguồn thu SDD bổ sung giai đoạn 2021-2025	Nguồn tăng thu NSTW năm 2022/Nguồn TW hỗ trợ giai đoạn 2023-2025					Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Nguồn thu SDD bổ sung giai đoạn 2021-2025	Nguồn tăng thu NSTW năm 2022/Nguồn TW hỗ trợ giai đoạn 2023-2025	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% có tăng thu NSTW)	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	
																											Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Vốn CBNS địa phương				Vốn TW hỗ trợ	Vốn Trái phiếu CQDP
	Xây dựng Kho dự trữ lương thực tỉnh Khánh Hòa			2023-2025		30.000	30.000					30.000						30.000	0	0	30.000	0	0	0	0									
VIII	Quản lý nhà nước							500.000	500.000	0	0	1.544.190	301.190	0	1.243.000	0	0	0	2.044.190	801.190	0	1.243.000	0	0	0	0								
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nhà Trưng	2023-2025	1739/QHND ngày 01/6/2023	544.662	543.110	500.000	500.000			43.000			43.000				543.000	500.000	0	43.000	0	0	0	0	Dự án trong danh sách NQ25 của Tỉnh ủy							
2	Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội đặc thù của tỉnh		Nhà Trưng	2023-2025								1.500.000	300.000		1.200.000				1.500.000	300.000	0	1.200.000	0	0	0	0	Dự án trong danh sách NQ25 của Tỉnh ủy							
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cơ quan Thành tra tỉnh		Nhà Trưng			1.197	1.197					1.190	1.190					1.190	1.190	0	0	0	0	0	0									
IX	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư							0	0	0	0	700.000	0	0	300.000	0	0	0	700.000	0	0	300.000	0	0	0	400.000								
1	Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã		thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh			200.000						200.000						200.000	200.000	0	0	0	0	0	200.000	Dự án trong danh sách NQ25 của Tỉnh ủy								
2	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ phát triển Khu kinh tế Vân Phong		Nhà Trưng, Vạn Ninh			500.000						500.000			300.000			200.000	500.000	0	0	300.000	0	0	0	200.000								
X	Bổ sung cơ sở dữ liệu cho ngân sách cấp huyện đầu tư theo ngành, lĩnh vực							10.500	10.500	0	0	51.740	51.740	0	0	0	0	0	62.240	62.240	0	0	0	0	0	0	Thuyết minh kèm theo: "Các công trình cấp thiết khác" tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh							
1	Thị xã Ninh Hòa							0				15.000	15.000					15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3998/UBND-KT ngày 20/4/2023, Từ quyết định số 479/TTg-CBNĐ ngày 15/02/2023, Từ quyết định số 648/TTg-CBNĐ ngày 02/3/2023 và Từ văn bản số 933/TT-UBND ngày 13/3/2023 của UBND thị xã Ninh Hòa								

PHỤ LỤC 3

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ TRÍ CHO TIÊU DỰ ÁN 2 -
DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 1 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn dự kiến bổ trợ giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện
	TỔNG SỐ				105.261	91.531	9.611	4.119	
	Tiêu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				105.261	91.531	9.611	4.119	Theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh
1	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2023-2025	79.000	79.000	79.000			
2	Xây dựng Cầu Hợp tác, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023-2023	26.261	26.261	12.531	9.611	4.119	

PHỤ LỤC 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 162 /BC-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP đã được HĐND giao	Kế hoạch vốn NSDP đã bố trí năm 2021, 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau khi điều chỉnh				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ								2.209.410	609.774	957.142	790.853	82.189	84.100	0	0	0	0	957.142	790.853	82.189	84.100				
A	Vốn chuẩn bị đầu tư								100.000	26.931	25.000	25.000			10.000	10.000			35.000	35.000	0	0				
B	Vốn thực hiện đầu tư								2.109.410	582.843	932.142	765.853	82.189	84.100	-10.000	-10.000	0	0	922.142	755.853	82.189	84.100				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								150.245	37.494	81.261	7.161	0	74.100	-1.736	8.264	0	-10.000	79.525	15.425	0	64.100				
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và xây mới nhà vệ sinh khu C Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa	Sở LD	Tp. Nha Trang	2022-2024	23/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	218/QĐ-UBND ngày 20/1/2022	7.380	7.380	7.380	3.600	3.780			3.780	-1.469			-1.469	2.311	0	0	2.311	Tiêu chuẩn qua đầu thầu			
2	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh	Sở LD	Vạn Ninh	2022-2023	20/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	910/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	3.998	3.998	3.990	1.349	2.641			2.641	-52			-52	2.589	0	0	2.589	Tiêu chuẩn qua đầu thầu			
3	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DABT XD các CT GT	NT	2006-2023		131/QĐ-UBND 16/1/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/8/2020; 71/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	562.820	562.820	84.385	32.500	51.885			51.885	-6.885			-6.885	45.000	0	0	45.000	Vướng bới đường, GPMB			
4	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2012-2023		2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CT/UBND ngày 26/7/2021; 358/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 1163/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	74.935	74.935	23.000	45	22.955	7.161		15.794	-20.020	-4.226		-15.794	2.935	2.935	0	0	0	Hiện nay giá đất cụ thể chưa được phê duyệt. Thông báo thu hồi đất chưa được UBND thành phố Nha Trang gia hạn, bởi đồng bộ thường và Tổ công tác chưa được UBND thành phố Nha Trang gia hạn		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP đã được HĐND giao	Kế hoạch vốn NSDP đã bố trí năm 2021, 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau khi điều chỉnh			Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
																								Vốn NS tỉnh
5	Trường Tiểu học Diên Sơn 1	Phòng GD&ĐT Diên Khánh	Diên Sơn	2023-2025	27/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	287/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	4.969	3.500		3.500	0	0		3.500			3.500	3.500	0	0	3.500	bổ trí vốn thực hiện dự án		
6	Trường Tiểu học Diên Lộc	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Lộc	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 22/01/2021	294/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	3.998	2.790		2.790	0	0		2.790			2.790	2.790	0	0	2.790	bổ trí vốn thực hiện dự án		
7	Xây mới nhà đa năng, nâng cấp 18 phòng học Trường THCS Chu Văn An, phường Cam Phúc Nam	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Cam Phúc Nam	2022-2024	79/NQ-HĐND ngày 26/8/2021	798/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	6.000	4.200		4.200	0	0		4.200			4.200	4.200	0	0	4.200	bổ trí vốn thực hiện dự án		
8	Trường Mầm non Cam Nghĩa (điểm mới), hạng mục: Xây mới 8 phòng học, nhà hành chính, san nền, cổng tường rào, nhà trường trực	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	Cam Nghĩa	2022-2023	83/NQ-HĐND ngày 26/8/2021	125/QĐ-UBND ngày 01/2/2023	14.000	9.800		9.800	0	0		5.000	1.290		3.710	5.000	1.290	0	3.710	bổ trí vốn thực hiện dự án		
9	Trường Mầm non Cam Phú, hạng mục: Xây mới 4 phòng học (Điểm Phú Bình); xây mới 2 phòng học, phòng chức năng, nhà hành chính (Điểm Phú Lộc)	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Cam Phú	2022-2024	81/NQ-HĐND ngày 26/8/2021	848/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	9.000	6.300		6.300	0	0		6.300	6.300		6.300	6.300	0	0	6.300	bổ trí vốn thực hiện dự án		
10	Trường Mầm non Cam Phúc Nam, hạng mục: Xây mới 4 phòng học, 2 phòng chức năng, nhà hành chính	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Cam Phúc Nam	2022-2024	80/NQ-HĐND ngày 26/8/2021	854/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	7.000	4.900		4.900	0	0		4.900	4.900		4.900	4.900	0	0	4.900	bổ trí vốn thực hiện dự án		
II	Khoa học, công nghệ									90.000	1.700	20.000	20.000	0	0	-10.000	-10.000	0	0	10.000	10.000	0	0	
1	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/02/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586		90.000	1.700	20.000	20.000											Ước tính bồi thường, GPMB
III	Y tế, dân số và gia đình									110.000	2.000	10.000	0	0	10.000	65.000	55.000	0	10.000	75.000	55.000	0	20.000	
1	Trung tâm Y tế Cam Ranh	Sở Y tế	CR	2021-2024	14/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	622/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1143/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	61.702	61.702		55.000	2.000	10.000		10.000			10.000	20.000	0	0	20.000	0	20.000	bổ sung vốn thực hiện dự án
2	Đầu tư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế	Diên Khánh	2023-2024	05/NQ-HĐND ngày 13/3/2023	1224/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	160.000	55.000	105.000	55.000	0				55.000	55.000		55.000	55.000	0	0	0	0	bổ trí vốn thực hiện dự án
IV	Văn hóa thông tin									401.050	0	0	0	0	0	81.050	58.861	22.189	0	81.050	58.861	22.189	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-IT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP đã được HĐND giao	Kế hoạch vốn NSDP đã bố trí năm 2021, 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau khi điều chỉnh			Chi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Trong đó:					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
								Vốn NSTW, ODA																	Vốn
1	Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2023	123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	đang trình phê duyệt dự án	544.557	544.557		400.000	0	0		80.000	57.811	22.189		80.000	57.811	22.189	0	bổ trí vốn thực hiện dự án			
2	Tu bổ di tích Đình Lập Đình	Sở VHHT	Cam Lâm	2022-2023	159/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	1207/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	1.050	1.050		1.050	0	0		1.050	1.050			1.050	1.050	0	0	bổ trí vốn thực hiện dự án			
V	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									472.300	261.255	107.034	94.845	12.189	0	-37.034	-24.845	-12.189	0	70.000	70.000	0	0		
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2023	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	759.516	546.733	212.783	472.300	261.255	107.034	94.845	12.189		-37.034	-24.845	-12.189		70.000	70.000	0	0	Do vướng GPMB	
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								133.774	32.229	40.534	40.534	0	0	-9.678	-9.678	0	0	30.856	30.856	0	0			
1	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		1.837	580	434	434		-231	-231			203	203	0	0	Điều chỉnh theo khả năng giải ngân thực tế của dự án		
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	CR, NT	2020-2023	11/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1856/QĐ-UBND 27/7/2020; 685/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	299.662	99.662	200.000	70.000	31.000	39.000	39.000		-38.451	-38.451			549	549	0	0	Do vướng GPMB		
3	Tiểu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	DK	2020-2023	10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND 30/9/2020; 2286/QĐ-UBND ngày 09/8/2021; 74/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	90.605	10.605	80.000	1.552	552	1.000	1.000		-937	-937			63	63	0	0	Do vướng GPMB		
4	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	2022-2025	81/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	2293/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	110.000	60.000	30.000	60.000	0	0		30.000	30.000				30.000	30.000	0	0	bổ trí vốn thực hiện dự án		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP đã được UBND giao	Kế hoạch vốn NSDP đã bố trí năm 2021, 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 sau khi điều chỉnh			Ghi chú													
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS/KT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Vốn XD/CB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS/KT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XS/KT						
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA																				Vốn	Thu	XS/KT	Vốn	Thu	XS/KT
5	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	133/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/11/2022		385	385		385	97	100	100		-59	-59		41	41	0	0	Nguyên bản, do điều chỉnh giảm số hạng cây trồng phần lớn sau khi rà soát nhu cầu đăng ký thực tế năm 2023										
VII	Giao thông								512.206	237.165	183.703	183.703	0	0	24.700	24.700	0	0	208.403	208.403	0	0											
1	Mở rộng, cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn	Sở GTVT	Khánh Sơn	2021-2023	36/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	1310/QĐ-UBND ngày 13/6/2023		29.271	29.271		28.206	0	0		8.000	8.000		8.000	8.000	0	0	bổ trí vốn thực hiện dự án											
2	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQL DADT XD các CT NNA&PTNT	Nha Trang	2018-2023	262/HDND ngày 23/8/2018	3286-QĐ-UBND 31/10/2018; 3216/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 1074/QĐ-UBND ngày 15/5/2023		129.534	129.534		115.000	46.568	59.000	59.000		-19.000	-19.000		40.000	40.000	0	0	Vướng giải phòng mặt bằng và giám thủ gọi thầu xây lắp										
3	Đường Tỉnh lộ 3	BQL DADT XD các CT GT	NT - CL	2018-2023	32/NQ-HĐND ngày 01/2/2018	288/QĐ-UBND 28/01/2019; 1526/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 4248/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 3693/QĐ-UBND ngày 30/12/2022		340.750	340.750		270.000	170.097	99.903	99.903		-13.000	-13.000		86.903	86.903	0	0	Dự án hoàn thành năm 2023, điều chỉnh giảm vốn theo khối lượng thực tế của dự án										
4	Xây dựng Cầu Vong 2, xã Vạn Lương	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	xã Vạn Lương	2022-2023	40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	1372/QĐ-UBND ngày 08/12/2022		11.000	7.700		7.700	0	0		7.700	7.700		7.700	7.700	0	0	bổ trí vốn thực hiện dự án											
5	Nâng cấp, mở rộng Bến tổng hợp Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã	2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	912/QĐ-UBND 08/9/2021		26.331	16.300		16.300	6.500	4.800	4.800		5.000	5.000		9.800	9.800	0	0	bổ sung vốn thực hiện dự án										
6	Đường gom dọc Quốc lộ 27C khu đô thị hành chính huyện Diên Khánh	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D. Thành, D. Lạc	2021-2023	31/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	25/QĐ-UBND ngày 8/02/2022		25.000	25.000		25.000	6.000	10.000	10.000		9.000	9.000		19.000	19.000	0	0	bổ sung vốn thực hiện dự án										
7	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2023	25/NQ-HĐND ngày 26/7/2020; 1094/HĐND ngày 24/12/2020	49/QĐ-UBND ngày 19/3/2021		85.706	50.000		50.000	8.000	10.000	10.000		27.000	27.000		37.000	37.000	0	0	bổ sung vốn thực hiện dự án										
VIII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế								169.656	0	50.000	0	50.000	0	30.000	30.000	0	0	80.000	30.000	50.000	0											

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRỌNG ĐIỂM DỰ KIẾN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập BCĐXCT	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Nguồn Trái phiếu CQĐP năm 2023	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA
	TỔNG SỐ									1.000.000		
I	Giao thông									500.000		
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Sở Giao thông Vận tải	Ban QLDA ĐTXT CCT Giao thông	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-UBND ngày 30/3/2023		1.468.000	758.000	400.000	100.000	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi
2	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn Phong		huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa	2023-2027			2.000.000	1.400.000	600.000	100.000	Đang lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
3	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1		Ban QLDA ĐTXT CCT Giao thông	Ninh Hòa	2023-2027	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	5.333.307	303.350	5.029.957	300.000	Thực hiện đảo nguồn cân đối NSDP sang nguồn vốn trái phiếu CQĐP sau khi có nguồn vốn trái phiếu CQĐP chính thức của năm 2023
II	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế									100.000		
1	Nâng cấp mở rộng Cải tạo tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ Công ty TNHH đóng tàu Hyundai - Việt Nam đến Ninh Tịnh), xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn Phong		Xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	2023-2025			550.000			100.000	Đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									50.000		
1	Chính trị hạ lưu sông Bắc (giai đoạn II)	Sở NN&PTNT		Nha Trang	2023-2026			615.000			50.000	Đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
IV	Y tế									150.000		
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa (trở thành Bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ)	Sở Y tế		Nha Trang	2023-2025			4.450.000			150.000	Chỉ đạo của Tỉnh ủy tại công văn số 3940-CV/TU ngày 28/02/2023, dự kiến khởi công tháng 10/2023
VI	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư									200.000		
1	Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh		thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	2023-2025			200.000			100.000	Đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
2	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ phát triển Khu kinh tế Văn Phong	UBND TX Ninh Hòa; UBND huyện Vạn Ninh; BQL KKT Văn Phong		Ninh Hòa, Vạn Ninh	2023-2025			500.000			100.000	Chỉ đạo của Tỉnh ủy tại công văn số 3940-CV/TU ngày 28/02/2023

PHỤ LỤC 6

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 52
LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 167 /BC-UBND ngày 27 / 6 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT theo dự án được duyệt	Quyết định đầu tư			Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS huyện/xã		
1	Đường Bắc Nam thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	Ninh Hòa	2016-2020	1345/QĐ-UBND ngày 22/7/2016; 116/QĐ-UBND ngày 16/01/2018	123.251	73.251	2024	Dự án thi công hoàn thành 31/12/2020 (tiến độ thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu, dự án phê duyệt 2016-2020). Tuy nhiên, dự án sau khi thi công hoàn thành, Chủ đầu tư phải thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo yêu cầu của Sở Xây dựng, dẫn đến kéo dài thời gian so với dự án được phê duyệt. Hiện nay, một số trường hợp chưa được nhận kinh phí giải phóng mặt bằng, có nhu cầu nhận kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng dự án đã hết thời gian bố trí vốn.
2	Đường Minh Mạng từ Km0+000 đến Km0+430	Ninh Hòa	2018	2190/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	4.587	4.587	2024	Công trình đã thi công hoàn thành ngày 12/11/2020 nhưng hiện nay chưa thực hiện quyết toán công trình hoàn thành vì một số lý do sau: - Chi phí giải phóng mặt bằng tăng làm vượt tổng mức đầu tư. - Còn 02 trường hợp tái định cư nhưng hiện nay chưa có giá đất tái định cư nên chưa có cơ sở để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. - Hiện nay, một số trường hợp chưa được nhận kinh phí giải phóng mặt bằng, có nhu cầu nhận kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng dự án đã hết thời gian bố trí vốn. Việc chậm tiến độ thực hiện dự án là do vướng công tác giải phóng mặt bằng; giá đất cho 02 trường hợp tái định cư chưa được chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT theo dự án được duyệt	Quyết định đầu tư		Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: Vốn NS huyện/xã
3	Đường C2 nối dài đoạn từ trung tâm hành chính đến đường Lạc Ninh xã Ninh Thọ	Ninh Hòa	2017-2020	42/QĐ-UBND ngày 11/3/2016; 800/QĐ-UBND ngày 04/12/2017	3.083	3.083	2024	<p>Đến nay dự án Đường C2 nối dài đoạn từ trung tâm hành chính đến đường Lạc Ninh xã Ninh Thọ đã hoàn thành, thanh toán khối lượng thực hiện đạt 1,965 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự án chưa hoàn thành việc chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất cho người nhận, nguyên nhân là do:</p> <p>- Dự án mới được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện đầu tư xây dựng công trình Đường C2 nối dài đoạn từ Trung tâm hành chính đến đường Lạc Ninh, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa. UBND xã Ninh Thọ đang niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ với 22 trường hợp với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 1.957.267.000 đồng.</p> <p>- Trong 16 trường hợp bị ảnh hưởng bởi dự án, thì còn một trường hợp hộ gia đình chưa thống nhất để thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm và bàn giao mặt bằng (hộ ông Trần Hữu Kiên). Qua làm việc, đến nay hộ ông Trần Hữu Kiên đã thống nhất sẽ bàn giao mặt bằng.</p>
4	Cầu Ngọc Thảo, thành phố Nha Trang	Nha Trang	2018-2023	3173/QĐ-CT-UBND ngày 03/5/2019; 17537/QĐ-CT-UBND ngày 30/11/2021; 4170/QĐ-CT-UBND ngày 15/8/2022; 6332/QĐ-CT-UBND ngày 01/12/2022	23.956	23.956	2023	<p>Nguyên nhân chủ yếu do vướng bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB nên thời gian thực hiện dự án bị chậm tiến độ. Tuy nhiên, về cơ bản Chủ đầu tư và đơn vị thi công triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với hợp đồng đã ký kết, không vi phạm về thời gian thi công (240 ngày).</p>

PHỤ LỤC 7

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT theo dự án được duyệt	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022					Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023				Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023				Thuộc trường hợp được phép kéo dài theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	Nguyên nhân; sự phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ		
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:							
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/xã			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/xã			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/xã						
									Tổng số	Vốn XDCB tập trung			Nguồn CQSD Đất	Tổng số			Vốn XDCB tập trung	Nguồn CQSD Đất	Tổng số			Vốn XDCB tập trung	Nguồn CQSD Đất
TỔNG SỐ							37.673	2.234	35.439	8.000	27.439	21.826	422	21.404	3.597	17.807	15.847	1.812	14.035	4.403	9.632		
1	Theo ngành, lĩnh vực					35.439	0	35.439	8.000	27.439	21.404	0	21.404	3.597	17.807	14.035	0	14.035	4.403	9.632			
(1)	Thị xã Ninh Hòa					13.749	0	13.749	8.000	5.749	4.753	0	4.753	3.597	1.156	8.996	0	8.996	4.403	4.593			
1	XD Trường MN Ninh An	Xã Ninh An	2022-2023	5780/QĐ-CTUBND ngày 15/12/2021	1.851	1.060	1.060		1.060	1.060	162		162		162	898		898	0	898	Điểm đ khoản 1 Điều 48	Dự án gấp vướng mắc trong quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong chưa được phê duyệt nên chậm triển khai thực hiện	
2	XD Trường TH Ninh An	Xã Ninh An	2022-2023	15778/QĐ-CTUBND ngày 15/12/2021	5.076	3.300	1.300		1.300	1.300	295		295		295	1.005		1.005	0	1.005	Điểm đ khoản 1 Điều 48	Dự án gấp vướng mắc trong quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong chưa được phê duyệt nên chậm triển khai thực hiện	
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị xã Ninh Hòa đến năm 2040	Tx Ninh Hòa	2022-2023	4244/QĐ-CTUBND	389	389	389		389	389	259		259		259	130		130	0	130	Điểm c khoản 1 Điều 48	Nhiệm vụ quy hoạch chỉ bố trí vốn trong năm 2022. Số vốn để xuất chuyển nguồn để thanh toán cho chi phí còn lại của dự án	
4	Đường Minh Mạng, thị xã Ninh Hòa (gđ2)	Ph. Ninh Hiệp	2021-2023	15118/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	68.392	68.392	3.000		3.000	3.000	172		172	172		2.828		2.828	2.828	0		Điểm đ khoản 1 Điều 48	Do công tác đầu thầu kéo dài dẫn đến chậm trễ triển khai thi công
5	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh Hiệp - Ninh Bình, đoạn từ giáp đường Trần Quý Cáp, đến giáp đường liên xã Bình Quang Hưng	Ph. Ninh Hiệp; Ninh Bình	2021-2023	1014/QĐ-UBND ngày	7.062	7.062	2.000		2.000	2.000	837		837	837		1.163		1.163	1.163	0		Điểm đ khoản 1 Điều 48	Vướng mắc trong công tác GPMB do đó không thể triển khai thi công trên toàn tuyến nên không đảm bảo khối lượng thanh toán

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT theo dự án được duyệt	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022					Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023			Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023			Thuộc trường hợp được phép kéo dài theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Nguyên nhân; sự phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ										
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó:												
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/xã			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/xã			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện/xã									
									Tổng số	Vốn XDCB tập trung			Trong đó: Nguồn CQSD Đất	Tổng số					Vốn XDCB tập trung	Trong đó: Nguồn CQSD Đất	Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Trong đó: Nguồn CQSD Đất					
6	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường MN Ninh Sơn	Xã Ninh Sơn	2021-2023	1561/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2021	8.030	8.030	3.000				3.000	3.000		2.588			2.588	2.588		412			412	412	0	Điểm đ khoản 1 Điều 48	Vướng mắc trong công tác GPMB do đó không thể triển khai thi công, nên không đảm bảo khối lượng thanh toán	
7	Xây dựng 06 phòng học và công trình phụ trợ Trường Mầm non Ninh Phú	Xã Ninh Phú	2022	455/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	9.054	6.100	3.000				3.000		3.000	440			440		440		2.560			2.560	0	2.560	Điểm đ khoản 1 Điều 48	Vướng mắc trong công tác GPMB do đó không thể triển khai thi công, đang thực hiện điều chỉnh thiết kế nên không đảm bảo khối lượng thanh toán
(2)	Thành phố Nha Trang						21.690	0	21.690	0	21.690	16.651	16.651	0	16.651	0	16.651	0	16.651	5.039	0	5.039	0	5.039				
1	Nâng cấp hồ điều hòa tại trạm xử lý nước ri rác Lương Sơn	TP Nha Trang	2020-2022	3234/QĐ-CTUBND ngày 09/6/2021	23.096	23.096	21.690				21.690		21.690	16.651			16.651		16.651	5.039			5.039	0	5.039	Điểm đ khoản 1 Điều 48	Vướng mắc gốc nguyên khối trong quá trình thi công đẩy hồ phải thực hiện xử lý kỹ thuật, chờ giải quyết chờ giải quyết các khối lượng không nằm trong hợp đồng đã ký kết, bên cạnh đó do thời tiết mưa gió bất thường ở thời điểm cuối năm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới						2.234	2.234	0	0	0	422	422	0	0	0	1.812	1.812	0	0	0							
1	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang (HL6)	UBND xã Ninh Thượng	2022-2023	669/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	5.000	1.500	2.234	2.234	0			422	422	0			1.812	1.812	0							Điểm đ khoản 1 Điều 48	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022. Trên cơ sở Nghị quyết chủ trương đầu tư Chương trình của HĐND tỉnh, UBND thị xã đã chỉ đạo UBND xã tổ chức thực hiện các thủ tục đầu tư để báo cáo UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định. Sau khi được UBND tỉnh phân bổ vốn thực hiện, UBND xã đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công dự án. Do dự án thuộc trường hợp phải tổ chức chào hàng cách tranh, đấu thầu theo quy định cho nên không đảm bảo khối lượng thi công được nghiệm thu thanh toán hết số vốn được giao.	